

phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2003 và có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Nghị quyết này được áp dụng khi xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với người thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực. Trong trường hợp theo các văn bản hướng dẫn trước đây là phải chịu trách nhiệm hình sự, nhưng theo Nghị quyết này không phải chịu trách nhiệm hình sự, thì Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 25 Bộ Luật Hình sự miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội. Trong trường hợp này Tòa án cần giải thích cho họ biết là do chuyển biến của tình hình mà hành vi của họ không còn nguy hiểm cho xã hội nữa cho nên họ được miễn trách nhiệm hình sự, chứ không phải họ bị oan do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự gây ra; do đó, họ không có quyền đòi yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 624 Bộ Luật Dân sự và theo Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17/3/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra.

3. Đối với các trường hợp mà người phạm tội đã bị kết án đúng theo các văn bản hướng dẫn trước đây và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì không căn cứ vào Nghị quyết này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, trừ trường hợp có những căn cứ kháng nghị khác. Nếu theo Nghị quyết này là họ không phải chịu trách nhiệm hình sự thì giải quyết theo thủ tục miễn chấp hành hình phạt./.

TM. Hội đồng Thẩm phán Tòa án
nhân dân tối cao
Chánh án

NGUYỄN VĂN HIỆN

NGHỊ QUYẾT của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 03/2003/NQ-HĐTP ngày 18/4/2003 hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ vào Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;

Để thi hành đúng và thống nhất các quy định của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh),

QUYẾT NGHỊ:

1. Về quy định “Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu”

“Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu” quy định tại Điều 2 Pháp lệnh là cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức đã ra một trong những quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc hoặc có một trong những hành vi hành chính quy định tại Điều 11 Pháp lệnh.

2. Về quy định tại Điều 2 Pháp lệnh

Theo quy định tại Điều 2 Pháp lệnh thì khi thuộc một trong các trường hợp sau đây, tùy từng trường hợp cụ thể mà Tòa án căn cứ vào quy định tương ứng tại các điểm 3, 5 và 6 Điều 31 Pháp lệnh để trả lại đơn kiện:

a) Người khởi kiện chưa khiếu nại với người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu;

b) Người khởi kiện đã khiếu nại với người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu, nhưng chưa hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu và cũng chưa có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu;

c) Chưa có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại quyết định kỷ luật buộc thôi việc;

d) Đã khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo và đã có quyết định giải quyết khiếu nại của người đó.

3. Quyết định hành chính là đối tượng khiếu kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính

Quyết định hành chính là đối tượng khiếu kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính phải là quyết định hành chính lần đầu. Ngoài những quyết định hành chính được cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành lần đầu trong khi giải quyết, xử lý những việc cụ thể thuộc thẩm quyền của mình, thì những quyết định hành chính sau đây cũng được coi là quyết định hành chính lần đầu:

a) Sau khi ban hành quyết định hành chính nhưng chưa có khiếu nại, cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước đã ban hành quyết định hành chính đó ban hành một quyết định hành chính khác thay thế quyết định hành chính trước, thì quyết định mới được ban hành này là quyết định hành chính lần đầu.

b) Sau khi ban hành quyết định hành chính nhưng chưa có khiếu nại, cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước đã ban hành quyết định hành chính đó ban hành một quyết định hành chính khác sửa đổi, bổ sung một số điểm của quyết định hành chính trước, thì phần của quyết định hành chính trước không bị sửa đổi, hủy bỏ và quyết định sửa đổi, bổ sung một số

điểm của quyết định hành chính trước đều là quyết định hành chính lần đầu;

Cần lưu ý là đối với hai trường hợp a và b trên đây nếu các quyết định sau được ban hành sau khi cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước đã nhận được đơn khiếu nại và các quyết định đó là kết quả giải quyết khiếu nại, thì các quyết định sau là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà không phải là quyết định hành chính lần đầu.

c) Sau khi người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính ra quyết định hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính bị khiếu nại hoặc bị khởi kiện; giao cho cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước giải quyết lại vụ việc đối với phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính đã bị hủy và kết quả giải quyết lại là cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước đã ra quyết định hành chính mới, thì quyết định mới này là quyết định hành chính lần đầu.

d) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo ngoài việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính bị khiếu nại, còn quyết định về một hoặc một số vấn đề hoàn toàn mới chưa có trong quyết định bị khiếu nại, thì phần quyết định về một hoặc một số vấn đề hoàn toàn mới này là quyết định hành chính lần đầu.

Ví dụ: Khi xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 400.000 đồng. Người bị xử phạt khiếu nại lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giữ nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính đó. Người bị xử phạt khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Kết quả giải quyết khiếu nại tiếp theo là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ngoài việc quyết định giữ nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, còn quyết định tịch thu phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính. Trong trường hợp này quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tịch thu phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là quyết định hành chính lần đầu.

đ) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo ra quyết định hủy quyết định hành chính do cơ quan hoặc người ra quyết định đó không có thẩm quyền. Người có thẩm quyền ra quyết định hành chính mới giải quyết vụ việc đó, thì quyết định mới này là quyết định hành chính lần đầu.

Ví dụ: Khi xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 10 triệu đồng và tịch thu phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị 5 triệu đồng. Người bị xử phạt khiếu nại lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giữ nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính đó. Người bị xử phạt khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Kết quả giải quyết khiếu nại tiếp theo là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã vì vi phạm thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 28 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Căn cứ vào Điều 29 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mới (có thể về nội dung cơ bản giống như nội dung quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã). Trong trường hợp này quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là quyết định hành chính lần đầu.

4. Hành vi hành chính là đối tượng khiếu kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính

Theo quy định tại điểm 2 Điều 4 và Điều 11

Pháp lệnh thì hành vi hành chính là đối tượng khiếu kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bao gồm các hành vi của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong các việc hoặc các lĩnh vực được quy định tại các điểm 2, 3, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 11 Pháp lệnh và trong các việc hoặc các lĩnh vực khác mà pháp luật có quy định.

5. Việc xác định người bị kiện trong vụ án hành chính

Theo quy định tại điểm 6 Điều 4 Pháp lệnh thì người bị kiện là cá nhân, cơ quan nhà nước, tổ chức có quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc bị khiếu kiện; do đó, để xác định đúng người bị kiện khi nào là cá nhân, khi nào là cơ quan nhà nước, tổ chức thì phải căn cứ vào quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ việc đó.

Ví dụ: Có hai quyết định hành chính bị khiếu kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính và đều do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký (một quyết định về xử phạt vi phạm hành chính và một quyết định thu hồi đất của hộ gia đình). Căn cứ vào quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết các vụ việc này thì người bị kiện trong vụ án hành chính về khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính là cá nhân Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (Điều 29 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính), còn người bị kiện trong vụ án hành chính về khiếu kiện quyết định thu hồi đất của hộ gia đình là Ủy ban nhân dân cấp huyện (Điều 24 và Điều 26 Luật Đất đai).

Cần chú ý là người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước quy định tại Điều 4 Pháp lệnh là người có chức vụ, chức danh cụ thể và theo quy định của pháp luật thì người có chức vụ, chức danh đó mới có thẩm quyền ra quyết định hành chính hoặc có hành vi hành chính. Mặc dù một quyết định hành chính hoặc một hành vi hành chính do một người cụ thể (ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị X...) ký hoặc thực hiện,

nhưng việc người đó ký quyết định hành chính hoặc thực hiện hành vi hành chính đó phải dưới danh nghĩa một chức vụ, chức danh có thẩm quyền (ví dụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện..., Trưởng Công an phường...); do đó, chỉ có thể gọi quyết định hành chính đó, hành vi hành chính đó của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện..., của Trưởng Công an phường... mà không thể gọi quyết định hành chính đó, hành vi hành chính đó của một người cụ thể (ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị X...). Vì vậy, trong trường hợp người ra quyết định hành chính hoặc có hành vi hành chính đã chuyển công tác đi nơi khác hoặc về hưu... mà quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đó bị khiếu kiện, thì người được bầu, được cử, được bổ nhiệm... thay chức vụ, chức danh của người đó phải kế thừa quyền và nghĩa vụ, có nghĩa họ chính là người bị kiện.

6. Việc giải quyết yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính

Theo quy định tại Điều 3 (đoạn 1) Pháp lệnh thì người khởi kiện vụ án hành chính có thể đồng thời yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại. Thiệt hại trong trường hợp này là thiệt hại thực tế do có quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc hoặc hành vi hành chính gây ra. Nếu người khởi kiện vụ án hành chính có yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại thì có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ. Trong trường hợp cần thiết Tòa án có thể thu thập thêm chứng cứ để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được chính xác. Trong trường hợp người khởi kiện vụ án hành chính có yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại chưa có thể cung cấp chứng cứ được, thì tách phần giải quyết yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại để giải quyết sau trong một vụ án dân sự khác theo thủ tục chung khi đương sự có yêu cầu.

Ví dụ: Một người khiếu kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bỏ quyết định hành chính tịch thu phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, đồng thời yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do một số bộ phận của phương tiện đó bị mất, bị

hư hỏng hoặc thu nhập thực tế bị mất do phương tiện đang bị giữ. Nếu Tòa án xét thấy quyết định tịch thu phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là trái pháp luật và xét thấy yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của người khiếu kiện là có căn cứ (do người khiếu kiện cung cấp đầy đủ chứng cứ, có người làm chứng...), thì Tòa án quyết định hủy quyết định hành chính đó, đồng thời quyết định về việc bồi thường thiệt hại; nếu người khiếu kiện chưa chứng minh được phương tiện đó bị mất, bị hư hỏng những bộ phận nào, thu nhập thực tế bị mất là những khoản nào, thì Tòa án chỉ quyết định hủy quyết định hành chính đó và dành phần giải quyết yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại để giải quyết trong một vụ án dân sự khác theo thủ tục chung khi đương sự có yêu cầu.

7. Việc giải quyết trong trường hợp người bị kiện sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc bị khiếu kiện

Theo quy định tại Điều 3 (đoạn 4) và Điều 20 Pháp lệnh thì trong quá trình giải quyết vụ án hành chính người bị kiện có quyền sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc bị khiếu kiện; do đó, trong quá trình giải quyết vụ án hành chính mà người bị kiện có quyết định sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc bị khiếu kiện thì Tòa án cần thông báo cho người khởi kiện biết và cần phân biệt:

a) Nếu người khởi kiện đồng ý với quyết định sửa đổi hoặc hủy bỏ đó và rút đơn kiện, thì Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 Pháp lệnh ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án;

b) Nếu người khởi kiện không đồng ý với quyết định sửa đổi hoặc hủy bỏ đó và không rút đơn kiện, thì Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Trong trường hợp này Tòa án phải xem xét tính hợp pháp của quyết định bị khiếu kiện và quyết định sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định bị khiếu kiện để tùy vào từng trường hợp cụ thể mà có quyết định đúng pháp luật.

8. Về khái niệm “công trình, vật kiến trúc kiên cố khác” quy định tại điểm 2 Điều 11 Pháp lệnh

a) “Công trình” phải là vật chắc chắn, bền vững mà việc xây dựng nó công phu, phải có khoa học, kỹ thuật hoặc nghệ thuật. Ví dụ: Một bức tượng đài; một hệ thống phục vụ nuôi trồng thủy sản...

b) “Vật kiến trúc kiên cố khác” là ngoài nhà ở, công trình thì vật kiến trúc kiên cố khác phải là vật được xây dựng chắc chắn và bền vững có giá trị sử dụng lâu dài. Ví dụ: Giếng nước, nhà để ô tô, nhà thờ, tường xây làm hàng rào gắn với nhà ở, nhà xưởng, kho tàng...

c) Không phân biệt giá trị nhà ở, công trình, vật kiến trúc kiên cố khác từ bao nhiêu trở lên, nếu có khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ Tòa án mới thụ lý giải quyết, mà chỉ cần xác định đúng đó là nhà ở, công trình, vật kiến trúc kiên cố khác thì Tòa án phải thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

9. Về quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại điểm 5 Điều 11 Pháp lệnh bao gồm các quyết định hành chính, hành vi hành chính quy định tại điểm 1 và 2 Điều 4 Pháp lệnh trong việc thực hiện nội dung quản lý đất đai quy định tại Điều 13 và các điều luật tương ứng khác của Luật Đất đai.

Quyết định của Ủy ban nhân dân giải quyết tranh chấp đất đai là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và đương sự có quyền khởi kiện vụ án hành chính theo thủ tục chung.

10. Về quy định tại điểm 7 Điều 11 Pháp lệnh

Khi thi hành quy định tại điểm 7 Điều 11 Pháp lệnh cần chú ý là Tòa án chỉ có thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính đối với khiếu kiện

quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc trưng dụng, trưng mua, tịch thu tài sản được ban hành hoặc thực hiện sau ngày 02/10/1991 (ngày Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nay là Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 297/CT).

11. Về quy định tại điểm 10 Điều 11 Pháp lệnh

Quy định tại điểm 10 Điều 11 Pháp lệnh cần được hiểu là ngoài các vụ án hành chính quy định tại các điểm từ điểm 1 đến điểm 9 Điều 11 Pháp lệnh, nếu trong một văn bản quy phạm pháp luật nào đó có quy định việc khiếu kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính đối với loại quyết định hành chính, hành vi hành chính nào đó, thì khiếu kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính đó là vụ án hành chính quy định tại điểm 10 Điều 11 Pháp lệnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục chung. Vì vậy, khi có khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính mà không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm 1 đến điểm 9 Điều 11 Pháp lệnh, thì Tòa án cần kiểm tra xem đã có văn bản quy phạm pháp luật nào về lĩnh vực đó quy định quyền khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính đó theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính hay không. Nếu có văn bản quy phạm pháp luật quy định thì Tòa án căn cứ vào điểm 10 Điều 11 Pháp lệnh và quy định tương ứng của văn bản quy phạm pháp luật đó để thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục chung; nếu chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định thì Tòa án căn cứ vào điểm 1 Điều 31 Pháp lệnh trả lại đơn kiện cho người khởi kiện.

Theo quy định của một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đã tổng hợp được thì các khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính sau đây thuộc trường hợp quy định tại điểm 10 Điều 11 Pháp lệnh và là vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục chung:

a) Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp (trong việc cấp văn bằng bảo hộ, trong việc đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa theo Thỏa ước Madrid, trong việc công nhận nhãn hiệu hàng hóa nổi tiếng) hoặc trong việc cấp li-xăng không tự nguyện (Điều 27 và khoản 5 Điều 51 Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 của Chính phủ quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp và đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 06/2001/NĐ-CP ngày 01/02/2001 của Chính phủ);

b) Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận bản quyền tác giả (khoản 3, khoản 4 Điều 26 và Điều 33 Nghị định số 76/CP ngày 29/11/1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ Luật Dân sự);

c) Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc phê duyệt Hợp đồng chuyển giao công nghệ (Điều 36 Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ);

d) Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính đối với việc từ chối công chứng, chứng thực không đúng với quy định của pháp luật (Điều 69 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực);

đ) Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi vi phạm pháp luật về hành chính của cơ quan hải quan, công chức hải quan theo quy định của pháp luật (khoản 3 Điều 54 Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan);

e) Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ nhiệm hoặc Chủ tịch Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn

luật sư đối với quyết định của Ban chủ nhiệm hoặc của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư (khoản 2 Điều 41 Pháp lệnh Luật sư);

g) Khiếu kiện quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính (Điều 119 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính).

12. Việc xác định thẩm quyền của Tòa án và người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo

Để thi hành đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh về thẩm quyền, trước hết cần xem xét quyết định hành chính, hành vi hành chính đó liên quan đến một người hay nhiều người (từ hai người trở lên). Tùy từng trường hợp cụ thể mà việc xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án hay của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo được thực hiện như sau:

a) Nếu quyết định hành chính, hành vi hành chính đó chỉ có liên quan đến một người mà người đó vừa khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án có thẩm quyền, vừa khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo và người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo chưa có quyết định giải quyết khiếu nại, thì việc giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung, đồng thời thông báo cho người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo biết và yêu cầu chuyển toàn bộ hồ sơ giải quyết khiếu nại cho Tòa án (nếu có). Nếu đến trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đã có quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo, thì Tòa án căn cứ vào điểm 6 Điều 31 Pháp lệnh trả lại đơn kiện cho người khởi kiện.

b) Nếu quyết định hành chính, hành vi hành chính đó có liên quan đến nhiều người mà tất cả những người đó đều khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án có thẩm quyền, ngoài ra có người hoặc tất cả những người đó vừa khiếu nại đến người có

thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo và người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo chưa có quyết định giải quyết khiếu nại, thì việc giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án và được thực hiện như trường hợp được hướng dẫn tại điểm a mục 12 này.

c) Nếu quyết định hành chính, hành vi hành chính đó có liên quan đến nhiều người mà chỉ có một hoặc một số người khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án có thẩm quyền, thì Tòa án cần phân biệt như sau:

- Trong trường hợp chỉ có một hoặc một số người khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án có thẩm quyền, những người khác còn lại không khởi kiện vụ án hành chính và cũng không khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo thì việc giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Trong trường hợp chỉ có một hoặc một số người khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án có thẩm quyền, những người khác còn lại tuy không khởi kiện vụ án hành chính, nhưng lại khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo thì việc giải quyết thuộc thẩm quyền của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo. Nếu Tòa án chưa thụ lý vụ án thì Tòa án căn cứ vào điểm 6 Điều 31 Pháp lệnh trả lại đơn kiện cho người khởi kiện; nếu Tòa án đã thụ lý vụ án thì Tòa án căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 41 Pháp lệnh ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án hành chính và chuyển hồ sơ vụ án cho người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo.

13. Việc giải quyết trường hợp Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính sai (do đây là vụ án khác hoặc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác)

Trong trường hợp Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính sai (do đây là vụ án khác hoặc

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác) thì tùy trường hợp mà giải quyết như sau:

a) Nếu trong quá trình giải quyết vụ án hành chính theo trình tự sơ thẩm mà phát hiện việc giải quyết vụ án này là thuộc thẩm quyền của mình, nhưng đây không phải là vụ án hành chính mà là vụ án khác (dân sự, kinh tế, lao động) thì Tòa án giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng quy định đối với việc giải quyết vụ án đó, đồng thời thông báo cho các đương sự và Viện Kiểm sát cùng cấp biết;

b) Nếu trong quá trình giải quyết vụ án hành chính theo trình tự sơ thẩm mà phát hiện việc giải quyết vụ án này là thuộc thẩm quyền của Tòa án khác, thì Tòa án đã thụ lý vụ án căn cứ vào khoản 2 Điều 13 Pháp lệnh xóa sổ thụ lý, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền, đồng thời thông báo cho các đương sự và Viện Kiểm sát cùng cấp biết;

c) Nếu khi xét xử phúc thẩm vụ án hành chính mà phát hiện vụ án thuộc trường hợp được hướng dẫn tại các điểm a và b mục 13 này, thì Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào điểm c Điều 64 Pháp lệnh hủy bản án, quyết định sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng quy định đối với việc giải quyết vụ án đó;

d) Nếu khi xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm vụ án hành chính mà phát hiện vụ án thuộc trường hợp được hướng dẫn tại các điểm a và b mục 13 này, thì Tòa án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm căn cứ vào điểm 3 Điều 72 Pháp lệnh hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng quy định đối với việc giải quyết vụ án đó.

14. Việc xác định thời điểm để tính thời hạn khởi kiện

Khi thi hành khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh cần chú ý là trong trường hợp người khởi kiện vụ án hành chính do không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì chỉ cần người khởi kiện làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính trong thời hạn 30 ngày (đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đi lại khó khăn thì trong thời hạn 45 ngày), kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà không phụ thuộc vào quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu được ban hành vào thời điểm nào.

15. Về việc Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa

Khoản 3 Điều 43 và Điều 63 Pháp lệnh quy định Viện Kiểm sát phải tham gia phiên tòa hoặc phải có ý kiến bằng văn bản đối với một số loại vụ án hành chính cụ thể, nay theo quy định tại điểm 3 Điều 21 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân thì khi kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, Viện Kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn: “Tham gia các phiên tòa và phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân về việc giải quyết vụ án”; do đó, từ nay trở đi sau khi thụ lý vụ án hành chính, Tòa án phải thông báo cho Viện Kiểm sát cùng cấp biết và yêu cầu Viện Kiểm sát cùng cấp cử Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Nếu vắng mặt Kiểm sát viên, thì Tòa án phải hoãn phiên tòa.

16. Về các quyết định của Tòa án trong bản án hành chính sơ thẩm

Khoản 2 Điều 49 Pháp lệnh quy định các nội dung chính của bản án. Tuy nhiên điểm e khoản 2 này chỉ quy định là “các quyết định của Tòa án” mà không quy định cụ thể là những quyết định nào. Khi xét xử vụ án hành chính tùy vào từng trường hợp cụ thể mà Tòa án có thể có một hoặc một số quyết định sau đây:

a) Bác yêu cầu của người khởi kiện, nếu yêu cầu đó không có căn cứ pháp luật;

b) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật; buộc cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước thực hiện trách nhiệm công vụ theo quy định của pháp luật;

c) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện tuyên bố một số hoặc toàn bộ các hành vi hành chính trái pháp luật; buộc cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật;

d) Buộc cơ quan hành chính nhà nước bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức bị xâm phạm do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật gây ra;

đ) Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện tuyên hủy quyết định kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật; buộc người đứng đầu cơ quan, tổ chức thực hiện trách nhiệm công vụ theo quy định của pháp luật; buộc bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân do quyết định kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật gây ra.

17. Việc đình chỉ giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm

Theo quy định tại Điều 62 Pháp lệnh thì trước khi xét xử phúc thẩm, Tòa án có quyền đình chỉ việc giải quyết vụ án theo quy định của Pháp lệnh này. Đồng thời theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 64 Pháp lệnh thì Tòa án cấp phúc thẩm có quyền: “Hủy bản án, quyết định sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án khi có một trong các trường hợp quy định tại Điều 41 của Pháp lệnh này”; do đó, để bảo đảm thống nhất thì trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nếu có một trong các trường hợp quy định tại Điều 41 Pháp lệnh, thì Tòa án cấp phúc thẩm cũng phải thành lập Hội đồng xét xử, nếu kết quả xét xử cho thấy đúng có một trong các trường hợp quy định tại Điều 41

Pháp lệnh thì Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hoặc quyết định sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án. Cần chú ý là nếu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án, thì Tòa án cấp phúc thẩm ra bản án phúc thẩm; nếu hủy quyết định sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án, thì Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định phúc thẩm.

18. Về hiệu lực thi hành của Nghị quyết

a) Nghị quyết này được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2003 và có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Những hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao được ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực về các vấn đề được hướng dẫn trong Nghị quyết này đều bãi bỏ.

b) Đối với những vụ án hành chính mà Tòa án đã thụ lý nhưng chưa xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm hoặc xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm thì áp dụng hướng dẫn tại Nghị quyết này để giải quyết.

c) Đối với các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng hướng dẫn tại Nghị quyết này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, trừ trường hợp có những căn cứ kháng nghị khác./.

TM. Hội đồng Thẩm phán Tòa án
nhân dân tối cao
Chánh án

NGUYỄN VĂN HIỆN